

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2023
V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thê
2. Ông Hoàng Văn Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 190/2023/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2023, số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/10/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Công N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện S, tỉnh T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện S, tỉnh T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn ông Trần Công N trình bày:*

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993; trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau ngày cưới thì về làm ăn, sinh sống tại thôn GL, xã PL, huyện S, tỉnh T. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh

phúc, đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân ông cũng có lỗi sai dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà T, mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, do ông bà không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Nguyễn Thị T.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có sinh được 02 con chung là cháu Trần Thị M, sinh ngày .../.../1996 và cháu Trần Công P, sinh ngày .../.../1998. Hiện các cháu đã trưởng thành ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Công N đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, tự do tìm hiểu và không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn. Ông bà được hai gia đình tổ chức cưới hỏi và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới ông bà về làm ăn, sinh sống tại thôn GL, xã PL, huyện S, tỉnh T. Cuộc sống chung của ông bà thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến gia đình ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Do vậy, bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông N, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Công N.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có sinh được 02 con chung là cháu Trần Thị M, sinh ngày .../.../1996 và cháu Trần Công P, sinh ngày .../.../1998. Hiện các cháu đã trưởng thành bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, 51, 53, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” của ông Trần Công Ngõi.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Các đương sự đều xác định có 02 con chung là cháu Trần Thị M, sinh ngày .../.../1996 và cháu Trần Công P, sinh ngày .../.../1998. Hiện các cháu đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Trần Công N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn; ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết không công nhận ông và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng; bà Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn GL, xã PL, huyện SD, tỉnh TQ. Căn cứ theo Điều 14; 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên nguyên đơn ông Trần Công N và bị đơn bà Nguyễn Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 1993 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, không có trường hợp nào có tên chồng là Trần Công N và vợ là Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện S, tỉnh T. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, cần tuyên xử không công nhận ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị T xác định có 02 con chung là cháu Trần Thị M, sinh ngày .../.../1996 và cháu Trần Công P, sinh ngày .../.../1998. Hiện các cháu đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo:

Ông Trần Công N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, 51, 53, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” của ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Công N và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn):

Ông Trần Công N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002749 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã PL, huyện S, tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Quốc Thể - Nguyễn Văn Quang

Phạm Thị Thùy Trâm